

Số: /BC-UBND

Ba Tô, ngày tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc rà soát, đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn xã Ba Tô

Thực hiện Thông báo số 02/TB-UBND ngày 04/4/2023 của UBND huyện về Kết luận của đồng chí Phạm Giang Nam – Phó Chủ tịch UBND huyện tại buổi làm việc với các ngành và UBND các xã để rà soát các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. UBND xã Ba Tô báo cáo cụ thể như sau:

I. Tình hình triển khai

1. Tình hình triển khai thực hiện cá văn bản quy định, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, huyện giai đoạn 2021 – 2025:

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình địa phương luôn bám sát vào văn bản quy định, hướng dẫn của các cấp, từ đó có sự triển khai áp dụng chỉ đạo kịp thời ở địa phương.

2. Phân công cán bộ, công chức liên quan phụ trách tiêu chí và theo dõi địa bàn, hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình theo sự chỉ đạo của cấp trên, cũng như quá trình triển khai thực hiện ở địa phương, Đảng ủy xã đã kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG, đồng thời phân công các đồng chí là Đảng ủy viên phụ trách địa bàn thôn để theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện; bên cạnh đó, UBND xã cũng đã thành lập Ban quản lý các Chương trình MTQG, phân công nhiệm vụ và phụ trách từng tiêu chí cụ thể phù hợp theo ngành, lĩnh vực.

3. Công tác tuyên truyền, vận động

Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới được Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể quan tâm sâu sắc. Các thành viên Ban chỉ đạo xã, Ban quản lý xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng và mục tiêu của Chương trình nông thôn mới.

Triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Ba Tơ chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. UBND xã đã triển khai xuống cho từng thôn và toàn thể cán bộ công chức xã biết để triển khai thực hiện.

Kết quả thực hiện đã góp phần mang lại đạt một số hiệu quả cao, như: hiến đất làm đường, nâng cấp sân vận động xã...; người dân đã mạnh dạn chuyển đổi

cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, không chủ động nước tưới với mô hình phát triển giống lúa mới của Trung tâm dịch vụ khuyến nông huyện. Ngoài ra, các thôn đã duy trì và phát huy tốt các phong trào hưởng ứng, như: phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” tức là mỗi hộ gia đình đều có ý thức tham gia dọn vệ sinh các tuyến đường GTNT của các thôn trên toàn xã vào ngày Chủ nhật hàng tuần.

Bên cạnh đó, UBMTTQVN kêu gọi nhân dân, các cơ quan đơn vị góp sức chung tay xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã với hình thức “*Thư ngõ*” để hỗ trợ cây trồng cho người dân hiến đất mở rộng sân vận động xã với 372,3 m² đất/4 hộ, số tiền cần kêu gọi hỗ trợ là 83.120.000 đồng.

II. Kết quả rà soát và đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

1. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM

Theo kết quả đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cuối năm 2022 thì xã Ba Tô đạt 8/19 tiêu chí, gồm các tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 18 và 19. Tuy nhiên, qua rà soát đánh giá thực trạng hiện xã Ba Tô đạt 7/19 Tiêu chí nông thôn mới, cụ thể:

- (1) **Tiêu chí 1:** Quy hoạch
- (2) **Tiêu chí 2:** Giao thông
- (3) **Tiêu chí 3:** Thủy lợi
- (4) **Tiêu chí 4:** Điện
- (5) **Tiêu chí 6:** Cơ sở vật chất văn hóa
- (6) **Tiêu chí 7:** Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn
- (7) **Tiêu chí 19:** Quốc phòng và an ninh.

* **Ghi chú:** bị rớt nội **tiêu chí 18.4** thuộc Tiêu chí số 18 do xã không đạt tiếp cận pháp luật

2. Các tiêu chí có mức độ đạt: có 8 Tiêu chí, cụ thể:

(1) **Tiêu chí 6:** chưa đạt nội dung **tiêu chí 6.2.1** - có điểm vui chơi, giải trí độc lập cho người già và trẻ em; Cam kết lộ trình đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em; Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em;

(2) **Tiêu chí số 8:** chưa đạt nội dung 8.3: xã có hệ thống loa đến các thôn (không hoạt động);

(3) **Tiêu chí số 9:** Nhà ở dân cư

(4) **Tiêu chí 12:** Lao động

(5) **Tiêu chí 13:** Chưa đạt các nội dung 13.1 – Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật; 13.3 - Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và chứng nhận VietGAP hoặc tương đương; 13.5 – Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động có hiệu quả.

(6) **Tiêu chí 14:** chưa đạt nội dung Tỷ lệ học sinh (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (*phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp*) >70% (*hiện đạt 60,9%*).

(7) **Tiêu chí 16:** Chưa đạt nội dung Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục đạt $\geq 60\%$ (*hiện đạt 28,57%*)

(8) **Tiêu chí 18:** Chưa đạt nội dung 18..4 - Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

3. Các tiêu chí đạt ở mức độ thấp: gồm các TC 5; TC 10; TC 11; TC 15 và TC 17.

(*Chi tiết cụ thể như Phụ lục đính kèm*)

III. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy xã, sự chỉ đạo, điều hành của UBND xã, sự phối hợp của Mặt trận, Hội đoàn thể xã đã góp phần mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận và hoàn thành được các chỉ tiêu, mục tiêu mà địa phương và các cấp đề ra; kết quả đạt được có sự tác động tích cực đến đời sống, vật chất và tinh thần trong nhân dân, đảng viên, cán bộ, công chức; một số chương trình mang lại hiệu quả cao, đời sống vật chất, văn hóa trong nhân dân được nâng cao; cơ sở hạ tầng ngày càng được khang trang, tạo cho bộ mặt nông thôn ngày càng “*Xanh – Sạch – Đẹp*”; các chương trình hỗ trợ sản xuất, cây trồng, vật nuôi góp phần tăng thu nhập cho người dân, từ đó giảm tỷ lệ hộ nghèo; các tuyến đường được thắp sáng góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng...

Kết quả thực hiện đã góp phần mang lại đạt một số hiệu quả cao, như: hiến đất làm đường, làm nhà văn hóa, nâng cấp sân vận động xã...; người dân đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, không chủ động nước tưới với mô hình phát triển giống lúa mới của Trung tâm dịch vụ khuyến nông huyện. Ngoài ra, các thôn đã duy trì và phát huy tốt các phong trào hưởng ứng, như: phong trào “*Ngày Chủ nhật xanh*” tức là mỗi hộ gia đình đều có ý thức tham gia dọn vệ sinh các tuyến đường GTNT của các thôn trên toàn xã vào ngày Chủ nhật hàng tuần.

2. Khó khăn.

- Theo kế hoạch đến năm 2025 xã Ba Tô về đích nông thôn mới, với kết quả rà soát các tiêu chí hiện tại trên địa bàn xã còn ở mức độ rất thấp. Một số nội dung tiêu chí cần sự hỗ trợ từ các cấp, như: có chế độ chính sách cải thiện dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tập trung nguồn lực đầu tư có sở vật chất cho các trường để đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, đầu tư các điểm vui chơi cho người già và trẻ em, thực hiện quy hoạch các khu thể thao ở các thôn, các chương trình chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tạo nguồn thu nhập cho người dân...

- Thu nhập phần lớn của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp nên đời sống còn gặp nhiều khó khăn từ đó làm cho người dân còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước; mặc khác trong sản xuất nông nghiệp một số người dân chưa thực sự quan tâm như chăm sóc

cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chưa mạnh dạn thực hiện các chương trình mô hình khuyến nông. Việc chăm sóc sức khỏe cho con em chưa được phụ huynh quan tâm dẫn đến tỷ lệ suy dinh dưỡng còn ở mức cao.

- Một số công chức phụ trách các Tiêu chí chưa tập trung, quan tâm vào tiêu chí thuộc lĩnh vực phụ trách, chưa nghiên cứu sâu vào các văn bản hướng dẫn; bên cạnh đó một số cán bộ thôn, chi hội ở thôn hoạt động chưa hiệu quả làm ảnh hưởng lớn quá trình thực hiện các chương trình của thôn tác động đến nhân dân.

- Đến nay một số ngành chưa có hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí cụ thể. Vì vậy, địa phương còn gặp khó khăn trong việc hoàn thiện đánh giá các tiêu chí.

Trên đây là báo cáo việc rà soát, đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã Ba Tô. UBND xã Ba Tô kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Phòng NN&PTNT huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Mặt trận, Hội đoàn thể xã;
- Công an xã;
- Trạm Y tế xã;
- Các trường: THCS; TH; MN xã Ba Tô;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Hiền

PHỤ LỤC 1:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN
2021 – 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA TÔ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 02 năm 2023
của UBND xã Ba Tô)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu hiện tại của địa phương	Chỉ tiêu theo Bộ TC NTM
I. QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ¹ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Đạt (100%)	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Đạt (≥80%)	≥80%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	Đạt 100% (cứng hóa ≥85%)	100% (cứng hóa ≥55%)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đạt (Trên địa bàn xã không có đường trục chính nội đồng)	100% (cứng hóa ≥55%)
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	Đạt	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ≥80%; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III ≥60%
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	Đạt (98%)	>95%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, cụ thể:		
		- Các xã có hơn 3 trường	-	-

		- Các xã có từ 3 trường trở xuống	Chưa đạt (Các trường chưa đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó <50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1)	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥ 50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã, cụ thể:		
		6.1.1. Quy hoạch bố trí được quỹ đất ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận	Đạt	Đạt
		6.1.2. Diện tích đất quy hoạch của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng	Đạt (2.000 m ²)	≥300 m ²
		6.1.3. Diện tích đất quy hoạch của khu thể thao xã (chưa tính SVD xã)	Đạt (1.500 m ²)	≥1.000 m ²
		6.1.4. Quy mô chỗ ngồi của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng xã	Đạt (200 chỗ ngồi)	≥150 chỗ ngồi
		6.1.5. Trang thiết bị của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao xã	Đạt (>80%)	Đạt >60%
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ² cụ thể:		
		6.2.1. Có ít nhất 01 điểm vui chơi, giải trí độc lập cho người già và trẻ em	Đạt	- Có thể bố trí trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao. - Đảm bảo trang thiết bị hoạt động phù hợp với trẻ em và người cao tuổi
		6.2.2. Cam kết lộ trình đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em	Đạt	Đạt
6.2.3. Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em	Đạt	Đạt		
6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt 100%	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Có	Có
8	Thông tin và Truyền	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Có	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Chưa đạt (Các	Có

	thông		loa không hoạt động)		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Có	Có	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Chưa đạt (chiếm 0,4%)	Không	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Chưa đạt (Chiếm tỷ lệ 96%)	≥75%	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	Năm 2021	<36	-
			Năm 2022	<39	-
			Năm 2023	23,70	≥42
			Năm 2024	≥45	-
			Năm 2025	≥48	-
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025	Chưa đạt (chiếm 23,91%)	≤13%	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Chưa đạt (chiếm 15,34%)	≥70%	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Chưa đạt (chiếm 12,19%)	≥20%	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Chưa đạt	Đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Chưa đạt	≥01 sản phẩm	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt (xã không có làng nghề truyền thống)	Có	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Chưa đạt (Có, hoạt động không hiệu quả)	Có	
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ:			
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt (MĐ 3)	Đạt	
		- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	Đạt (100%)	98%	
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt (MĐ 3)	Đạt	
		- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt (MĐ 3)	Đạt	
		- Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	Đạt (Khá)	Khá	
14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	Chưa đạt (tỉ lệ 60,9%)	≥70%			

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Đạt (chiếm tỷ lệ 97%)	>90%	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	Chưa đạt (chiếm 53,1%)	≤24%	
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	-	≥50%	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới, cụ thể:			
		- Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục	Chưa đạt (chiếm 28,57%)	≥60%	
		- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục	Đạt (77%)	≥60%	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	-	≥30% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)
			Xã khu vực III	Đạt	≥20% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		Đạt	≥90%
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung		Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn		Chưa đạt	>02 m ² /người
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định		Chưa đạt	≥70%
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường		Đạt	100%
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ³		Chưa đạt	≥70%
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường		Chưa đạt	≥60%
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm		Đạt	100%
17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn		Đạt	≥30%		

		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	Đạt	≥30%
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Chưa đạt	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Có
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2023 của UBND xã Ba Tô)

TT	Xã	Tiêu chí																			Số TC đến cuối 2023	Số TC đến cuối 2023	Ghi chú	
		1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. CS vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và an toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	19. Quốc phòng và An ninh				
1	Ba Tô	x	x	x	x		x	x	x	x			x		x					x	x	7	12	+5 TC (8; 9; 12; 14; 18)